

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28-8-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hồng Vân.

2. Ông Đặng Hải Quân.

- Thư ký phiên toà: Bà Vy Khánh Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng tham gia phiên toà:
Bà Hoàng Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn thụ lý số 99/2024/TLST-HNGĐ, ngày 04/6/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/8/2024, Quyết định hoãn phiên toà số 24/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vi Thị Hương T, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Chị Vi Thị Hương T và anh Nguyễn Văn D có được tìm hiểu, yêu nhau và quyết định đi đến kết hôn, năm 2012 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã H, huyện H trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục truyền thống.

Từ sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau đã không được hạnh phúc,

do anh Nguyễn Văn D rất ham chơi, không có việc làm và thường xuyên tụ tập bạn bè chơi bài dẫn đến không chịu lao động làm ăn, xây dựng kinh tế gia đình, bỏ bê vợ con; để mình vợ lo toan cuộc sống, làm lụng vất vả kiếm tiền nuôi con.

Chị Vi Thị Hương T đã khuyên bảo nhiều lần nhưng chồng không nghe mà còn xảy ra cãi nhau rất căng thẳng; anh Nguyễn Văn D khi uống rượu vào là lại cãi nhau thể hiện thói vũ phu - hùng hổ, thái độ bức tức vô cớ dẫn đến rất nhiều lần tát, đánh vợ; trong đó có lần gây thương tích tại vùng ngực phải đi Bệnh viện điều trị nhưng chị Vi Thị Hương T không làm thủ tục, lấy giấy tờ nhập viện điều trị do khi đó đang đi làm công ty, không muốn bị ảnh hưởng đến công việc. Chị vì thương con và mong chồng có cơ hội sửa sai nên chị đã không báo công an, chính quyền mà chọn cách im lặng, nhẫn nhịn chịu đựng.

Sau những sự việc đó xảy ra thì gia đình nội ngoại hai bên cũng có khuyên nhủ, hòa giải và chị Vi Thị Hương T cũng mong muốn chồng thay đổi để cùng nhau chung sống nuôi dạy con cái, nhưng chồng vẫn không chịu thay đổi mà còn hay gây sự, đánh chị nhiều hơn.

Mâu thuẫn ngày một chồng chất, không thể hoá giải dẫn đến ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không được hạnh phúc, căng thẳng, lo lắng bạo lực gia đình nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 01 năm 2024 cho đến hiện nay; cả hai không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị Vi Thị Hương T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tồn tại, mâu thuẫn bạo lực gia đình không thể giải quyết, nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là cháu Nguyễn Hà V, sinh ngày 30/9/2012 và cháu Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 08/12/2016. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Quỳnh N; còn anh Nguyễn Văn D sẽ nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hà V để thuận tiện việc ăn ở, học hành công việc sau này. Nếu mỗi người nuôi một con thì không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về điều kiện nuôi con: Hiện nay chị Vi Thị Hương T đang làm công nhân của công ty S, thu nhập bình quân 7.000.000 đồng/một tháng, có chỗ ở do công ty B; khi về nhà thì bố mẹ đẻ tạo điều kiện cho ở cùng.

Trường hợp nếu anh Nguyễn Văn D kiên quyết yêu cầu nuôi hết cả hai đứa con chung, chị Vi Thị Hương T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung 600.000đ/01 tháng/01 cháu cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về khoản nợ chung: Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại các lời khai, đề nghị trong quá trình giải quyết bị đơn trình bày:

Việc tự nguyện kết hôn đúng như chị Vi Thị Hương T trình bày. Từ sau khi

kết hôn cuộc sống hôn nhân của anh chị không được hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi cọ, xúc phạm lẫn nhau, nhất là kể từ thời điểm anh đi thụ án gây thương tích và vợ ở nhà đi làm công ty thì anh có ý nghi ngờ vợ có mối quan hệ với người đàn ông khác, mâu thuẫn vợ chồng ngày một nhiều, không hoá giải được. Ngoài ra, chị Vi Thị Hương T thường xuyên cãi nhau với mẹ chồng, anh có nói nhưng vợ không nghe.

Sau những sự việc đó xảy ra thì gia đình nội ngoại hai bên cũng có khuyên nhủ và hòa giải cho vợ chồng, tuy nhiên mâu thuẫn ngày một chồng chất, cuộc sống hôn nhân không được hạnh phúc; lần mâu thuẫn trầm trọng nhất là việc đánh nhau cãi nhau, dẫn đến hai vợ chồng đã ly thân từ tháng 01 năm 2024 cho đến hiện nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Nay anh Nguyễn Văn D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tồn tại, mâu thuẫn không thể giải quyết, nên đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Khi ly hôn anh Nguyễn Văn D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 chung để cho các cháu được ở cùng nhau và ổn định việc sinh hoạt học tập; anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên do các cháu đều trên 07 tuổi nên anh tôn trọng nguyện vọng của các cháu theo quy định của pháp luật.

Về điều kiện nuôi con: Hiện nay anh có đất nhà ở do bố mẹ cho nên có chỗ ở ổn định; có công việc ở nhà làm ruộng, làm thuê lao động phổ thông, thu nhập hàng tháng trung bình khoảng 6.000.000đ/tháng, nên có đủ kinh tế để nuôi con.

- Về tài sản chung: Hiện nay các tài sản nhà đất đang ở đều là của anh Nguyễn Văn D nên không yêu cầu chia; anh D cho rằng chị Vi Thị Hương T có 01 khoản tiền tiết kiệm gửi ngân hàng nhưng chính xác bao nhiêu, không rõ và ở ngân hàng nào anh cũng chưa biết; nếu ly hôn phải chia cho anh một nửa.

Toà án đã giải thích cho anh quy định pháp luật liên quan đến việc anh có quyền làm đơn yêu cầu liên quan đến phân chia khoản tiền tiết kiệm gửi ngân hàng và cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến yêu cầu đó trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày 26/6/2024. Tuy nhiên hết thời hạn anh D không cung cấp được chứng cứ và không có đơn yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật, quan điểm đề nghị giải quyết vụ án:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, thẩm phán đã tiến hành thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định tư cách đương sự, tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đều đã đảm bảo đúng quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng đối với phiên tòa dân sự sơ thẩm. Việc tuân theo pháp luật tố tụng, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng

quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị Vi Thị Hương T được ly hôn với anh Nguyễn Văn D. Về con chung, chị Vi Thị Hương T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Quỳnh N; anh Nguyễn Văn D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hà V đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm non con chung không bị cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Chị Vi Thị Hương T là người có yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra và tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Vi Thị Hương T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung nên xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn anh Nguyễn Văn D, cư trú tại Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn nên xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vi Thị Hương T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn D đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Căn cứ vào lời khai của đương sự, chứng cứ do đương sự cung cấp và các tài liệu do Tòa án thu thập có căn cứ để xác định chị Vi Thị Hương T và anh Nguyễn Văn D có đăng ký kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, đe dọa, xúc phạm nhau, thậm chí anh Nguyễn Văn D còn gây thương tích cho vợ. Nguyên nhân do anh Nguyễn Văn D ham chơi, lười lao động, thường xuyên tụ tập bạn bè mà không tu chí làm ăn, thậm chí phải đi cải tạo do bị xét xử về hành vi gây thương tích; nên một mình chị Vi Thị Hương T phải tự mình lo toan cuộc sống. Bản thân chị Vi Thị Hương T cũng có mâu thuẫn với gia đình nhà chồng. Mâu thuẫn giữa anh chị xảy ra thường xuyên, ngày càng trầm trọng, nhiều lần xảy ra bạo lực gia đình, xâm phạm sức khỏe, danh dự, nhân phẩm nên hai vợ chồng đã ly thân từ tháng 01/2024 đến nay, không còn quan tâm nhau.

[3] Tại biên bản lấy lời khai những người làm chứng ông Vy Văn Đ – bố ruột chị T; bà Triệu Thị D1 – mẹ ruột chị T; anh Vy Văn T1 – anh trai ruột chị T

trình bày: Từ ngay sau khi kết hôn vợ chồng anh D chị T chung sống với nhau đã không được hạnh phúc, do anh D rất ham chơi, không có việc làm thường xuyên tụ tập bạn bè chơi cờ dẫn đến không chịu lao động làm ăn, xây dựng kinh tế gia đình, bỏ bê vợ con; để mình chị T lo toan cuộc sống, làm lụng vất vả kiếm tiền nuôi con. Anh D thường xuyên đánh đập chị T, gia đình có được biết và có khuyên nhủ nhưng anh D không nghe lời.

[4] Quá trình giải quyết vụ án **và tại phiên hoà giải trước khi xét xử ngày 26/6/2024**, Tòa đã nhiều lần tiến hành khuyên bảo hai vợ chồng hóa giải mâu thuẫn, đoàn tụ nuôi dạy con cái, xây dựng gia đình hạnh phúc; nhưng chị Vi Thị Hương T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn kéo dài, đời sống chung không tồn tại nên nhất quyết ly hôn, để được giải thoát khỏi cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và anh Nguyễn Văn D cũng nhất trí, đồng ý đề nghị Toà giải quyết cho ly hôn. Từ những nhận định nêu trên, xét thấy mâu thuẫn giữa chị Vi Thị Hương T và anh Nguyễn Văn D đã thực sự trầm trọng, đời sống chung hiện không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 51, 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 **cần công nhận sự thuận tình do hai bên đương sự đều nhất trí, tự nguyện và không có dấu hiệu vi phạm sự tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.**

[5] *Về con chung*: Xét yêu cầu của nguyên đơn đề nghị nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quỳnh N, thấy rằng; hiện tại cháu còn nhỏ (mới học hết lớp 2), cháu có mong muốn được ở cùng mẹ, cần có sự quan tâm, gần gũi từ người mẹ đảm bảo điều kiện chăm sóc, giáo dục tâm sinh lý phù hợp hơn. Bản thân chị Vi Thị Hương T hiện đang làm công nhân với mức thu nhập hiện tại trung bình khoảng 7.000.000 đồng/tháng, chị vẫn bố trí thời gian nghỉ về thăm nom chăm sóc con; chỗ ở sau khi ly hôn tại nhà bố đẻ là ông Vy Văn Đ (thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn). Đối với cháu Nguyễn Hà V hiện đang sinh sống cùng bố và theo học tại Trung học cơ sở xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; bản thân cháu cũng có mong muốn được ở với bố để ổn định việc học tập, thuận lợi cho công việc sau này. Anh Nguyễn Văn D có chỗ ở trên đất của bố mẹ đẻ cho, thu nhập bình quân từ việc làm ruộng khoảng 6.000.000 đồng/tháng. Như vậy về cơ bản cả hai anh chị đều đảm bảo điều kiện cơ bản nuôi sống bản thân và nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 người con chưa thành niên phát triển một cách bình thường như những đứa trẻ khác.

[6] Việc tự phân định trách nhiệm nuôi con của nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với điều kiện sống, hoàn cảnh thực tế của bố mẹ các cháu, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của hai người con chung trên 07 tuổi; do vậy Hội đồng xét xử quyết định giao cho chị Vi Thị Hương T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Quỳnh N và anh Nguyễn Văn D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Hà V đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

[7] Việc giao con cho người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi

con, các bên đương sự có quyền đề nghị thay đổi trong quá trình nuôi dưỡng sau này theo quy định pháp luật.

[8] *Về tài sản chung*: Anh Nguyễn Văn D cho rằng vợ có khoản tiền tiết kiệm gửi tại ngân hàng nên yêu cầu phân chia tuy nhiên trong suốt quá trình giải quyết vụ án đã không có đơn yêu cầu và không thực hiện được việc cung cấp căn cứ chứng minh. Phía chị Vi Thị Hương T khẳng định, bản thân chưa bao giờ được cầm giữ một khoản tiền nào của chồng và gia đình chồng; do đó không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

[9] *Về nợ chung*: Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Vi Thị Hương T và anh Nguyễn Văn D thuận tình ly hôn trước khi mở phiên tòa, nên mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ án phí ly hôn sơ thẩm; nguyên đơn tự nguyện chịu phần án phí của bị đơn.

[11] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành và tham gia tố tụng là đúng thực tế, phù hợp với tài liệu thu thập trong hồ sơ và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa. Quan điểm đề nghị giải quyết nội dung vụ án về việc xét xử cho ly hôn và xác định nghĩa vụ chịu án phí không phù hợp với các nhận định nêu trên nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228; các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Quan hệ hôn nhân.

Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vi Thị Hương T và anh Nguyễn Văn D.

(Đăng ký kết hôn số 35 quyển số 01 ngày 11/10/2012 của Ủy ban nhân dân

xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn).

2. Con chung.

- Chị Vi Thị Hương T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Quỳnh N sinh ngày 08/ 12/2016 và anh Nguyễn Văn D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Hà V sinh ngày 30/9/2012 cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Chị Vi Thị Hương T và anh Nguyễn Văn D không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung (do các bên đương sự không có yêu cầu).

3. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Khoản nợ chung: Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí: Chị Vi Thị Hương T phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để nộp Ngân sách nhà nước. Xác nhận đã thi hành, nộp đủ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004741 ngày 31/5/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn; sau khi khấu trừ chị Vi Thị Hương T được hoàn trả 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

6. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- UBND xã Hồ Sơn, huyện Hữu Lũng;
- Các đương sự:
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường